

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ C PHARM TIPHARCO



Tiền Giang, tháng 04 năm 2013

Mo C Lo C

I. Đ <u>o</u> NH NGH <u>ĩ</u> A CÁC THU <u>o</u> t NG <u>o</u> TRONG Đ <u>o</u> U L <u>o</u>	5
Đi <u>u</u> 1. Gi <u>o</u> i th <u>o</u> ch thu <u>o</u> t ng <u>o</u>	5
II. TÊN, HÌNH TH <u>o</u> c, TR <u>o</u> S <u>o</u> , CHI NH <u>á</u> NH, V <u>á</u> N PHÒNG Đ <u>o</u> I Đ <u>o</u> N VÀ TH <u>o</u> I H <u>o</u> N HO <u>o</u> T Đ <u>o</u> NG C <u>o</u> A CÔNG TY	5
Đi <u>u</u> 2. Tên, hình th <u>o</u> c, tr <u>o</u> s <u>o</u> , chi nh <u>á</u> nh, v <u>á</u> n phòng đ <u>o</u> i đ <u>o</u> n và th <u>o</u> i h <u>o</u> n ho <u>o</u> t đ <u>o</u> ng c <u>o</u> a Công ty	5
III. M <u>o</u> C TIÊU, PH <u>o</u> M VI KINH DOANH VÀ HO <u>o</u> T Đ <u>o</u> NG C <u>o</u> A CÔNG TY.....	6
Đi <u>u</u> 3. M <u>o</u> c tiêu ho <u>o</u> t đ <u>o</u> ng c <u>o</u> a Công ty	6
Đi <u>u</u> 4. Ph <u>o</u> m vi kinh doanh và ho <u>o</u> t đ <u>o</u> ng	6
IV. V <u>á</u> N Đ <u>o</u> U L <u>o</u> , C <u>o</u> PH <u>o</u> N, C <u>o</u> Đ <u>o</u> NG S <u>á</u> NG L <u>o</u> P	7
Đi <u>u</u> 5. V <u>á</u> n đ <u>o</u> u l <u>o</u> , c <u>o</u> ph <u>o</u> n, c <u>o</u> đ <u>o</u> ng s <u>á</u> ng l <u>o</u> p.....	7
Đi <u>u</u> 6. Ch <u>o</u> ng nh <u>o</u> n c <u>o</u> ph <u>o</u> u	7
Đi <u>u</u> 7. Ch <u>o</u> ng ch <u>o</u> ng kho <u>á</u> n kh <u>á</u> c	8
Đi <u>u</u> 8. Chuy <u>o</u> n nh <u>o</u> ng c <u>o</u> ph <u>o</u> n	8
Đi <u>u</u> 9. Thu h <u>o</u> i c <u>o</u> ph <u>o</u> n.....	8
V. C <u>o</u> C <u>o</u> U T <u>o</u> CH <u>o</u> C, QU <u>o</u> N TR <u>o</u> VÀ KI <u>o</u> M SO <u>á</u> T	9
Đi <u>u</u> 10. C <u>o</u> c <u>o</u> u t <u>o</u> ch <u>o</u> c, qu <u>o</u> n tr <u>o</u> và ki <u>o</u> m so <u>á</u> t	9
VI. C <u>o</u> Đ <u>o</u> NG VÀ Đ <u>o</u> I H <u>o</u> I Đ <u>o</u> NG C <u>o</u> Đ <u>o</u> NG.....	9
Đi <u>u</u> 11. Quy <u>o</u> n c <u>o</u> a c <u>o</u> đ <u>o</u> ng.....	9
Đi <u>u</u> 12. Ngh <u>ĩ</u> a v <u>á</u> c <u>o</u> a c <u>o</u> đ <u>o</u> ng.....	10
Đi <u>u</u> 13. Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng	10
Đi <u>u</u> 14. Quy <u>o</u> n và nhi <u>o</u> m v <u>á</u> c <u>o</u> a Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng	12
Đi <u>u</u> 15. Các đ <u>o</u> i đ <u>o</u> n đ <u>o</u> c <u>o</u> y quy <u>o</u> n	13
Đi <u>u</u> 16. Thay đ <u>o</u> i các quy <u>o</u> n	13
Đi <u>u</u> 17. Tri <u>u</u> u t <u>o</u> p Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng, ch <u>o</u> ng tr <u>o</u> ng h <u>o</u> p và thông báo h <u>o</u> p Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng.....	14
Đi <u>u</u> 18. Các đ <u>o</u> u ki <u>o</u> n t <u>o</u> n hành h <u>o</u> p Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng	15
Đi <u>u</u> 19. Th <u>o</u> th <u>o</u> c t <u>o</u> n hành h <u>o</u> p và bi <u>u</u> quy <u>o</u> t t <u>o</u> i Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng	15
Đi <u>u</u> 20. Thông qua quy <u>o</u> t đ <u>o</u> nh c <u>o</u> a Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng	17
Đi <u>u</u> 21. Th <u>o</u> m quy <u>o</u> n và th <u>o</u> th <u>o</u> c l <u>o</u> y ý ki <u>o</u> n c <u>o</u> đ <u>o</u> ng b <u>o</u> ng v <u>á</u> n b <u>o</u> n đ <u>o</u> thông qua quy <u>o</u> t đ <u>o</u> nh c <u>o</u> a Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng.....	17
Đi <u>u</u> 22. Biên b <u>o</u> n, ngh <u>o</u> quy <u>o</u> t h <u>o</u> p Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng.....	19
Đi <u>u</u> 23. Y <u>o</u> c h <u>o</u> y b <u>o</u> quy <u>o</u> t đ <u>o</u> nh c <u>o</u> a Đ <u>o</u> i h <u>o</u> i đ <u>o</u> ng c <u>o</u> đ <u>o</u> ng	19

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 25. Quy định hân và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	21
Điều 26. Chức năng Hội đồng quản trị.....	23
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	23
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỦ KÝ CÔNG TY	26
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	26
Điều 29. Cán bộ quản lý	26
Điều 30. Bộ phận, miền, nhiệm vụ và quy định của Tổng giám đốc điều hành	27
IX. BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát.....	29
Điều 33. Ban kiểm soát	30
X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	31
Điều 34. Trách nhiệm của quản trị	31
Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích.....	31
Điều 36. Trách nhiệm với thị trường và báo cáo	32
XI. QUY ĐỊNH ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	33
Điều 37. Quy định điều tra sổ sách và hồ sơ	33
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	33
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn	33
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	34
Điều 39. Phân phối lợi nhuận.....	34
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN TRỊ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỒ THỐNG KÊ TOÁN	34
Điều 40. Tài khoản ngân hàng	34
Điều 41. Năm tài chính	34
Điều 42. Chế độ kế toán.....	35
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	35
Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	35
Điều 44. Báo cáo thường niên	35
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	35
Điều 45. Kiểm toán	35
XVII. CON DỮ	36

Đi <u>u</u> 46. Con d <u>u</u>	36
XVIII. CH <u>o</u> M D <u>o</u> T HO <u>u</u> T Đ <u>o</u> NG VÀ THANH LÝ	36
Đi <u>u</u> 47. X <u>u</u> lý trong tr <u>o</u> ng h <u>o</u> p kinh doanh thua l <u>u</u>	36
Đi <u>u</u> 48. Ch <u>o</u> m d <u>o</u> t ho <u>u</u> t đ <u>o</u> ng	36
Đi <u>u</u> 49. Thanh lý	36
XIX. GI <u>o</u> I QUY <u>u</u> T TRANH CH <u>o</u> P N <u>o</u> I B <u>o</u>	37
Đi <u>u</u> 50. Gi <u>o</u> i quy <u>u</u> t tranh ch <u>o</u> p n <u>o</u> i b <u>o</u>	37
XX. B <u>o</u> SUNG VÀ S <u>o</u> A Đ <u>o</u> I Đ <u>o</u> U L <u>u</u>	37
Đi <u>u</u> 51. B <u>o</u> sung và s <u>o</u> a đ <u>o</u> i Đ <u>o</u> u l <u>u</u>	37
XXI. NGÀY HI <u>u</u> U L <u>u</u> C	38
Đi <u>u</u> 52. Ngày hi <u>u</u> u l <u>u</u> c	38

PHo N Mo Đo U

Điu là này đu c thông qua theo quyđt đunh hop là coa Đoi hoi đung co đong to choc chính thoc vào ngày 26 tháng 04 năm 2013.

I. ĐuNH NGHĩA CÁC THUo T NGo TRONG Đo U Là

Điu 1. Gioi i thích thuo t ngo

1. Trong Điu là này, nhong thuot ngo đu oi đây đu c hiou nho sau:
 - a. "Von đoi u là" là so von do tut co các co đong đong gop và quy đunh tui Đoi u 5 Đoi u là này;
 - b. "Luot Doanh nghiop" có nghĩa là Luot Doanh nghiop so 60/2005/QH11 đu c Quoc hoi thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;
 - c. "Ngày thành làp" là ngày Công ty đu c cop Gioy chong nhon đong ký doanh nghiop (Gioy chong nhon đong ký kinh doanh) làn đu;
 - d. "Cán bo quon lý" là Tung giom đuc đuu hành, Phó Tung giom đuc, Ko toán trung, và các vo trí quon lý khác trong Công ty đu c Hoi đung quon tru phê chuon;
 - đ. "Ngo oi có liên quan" là cá nhân hoc to choc đu c quy đunh tui Khoon 17 Đoi u 4 Luot Doanh nghiop;
 - e. "Thoi hon hot đung" là thoi gian hot đung coa Công ty đu c quy đunh tui Đoi u 2 Đoi u là này và thoi gian gia hon (nou có) đu c Đoi hoi đung co đong coa Công ty thông qua bong ngho quyđt;

g. "Viot Nam" là no c Cong hoà Xã hoi Chong nghĩa Viot Nam;

2. Trong Điu là này, các tham chiuu tui mot hoc mot so quy đunh hoc văn bon khác bao gom co nhong so a đui hoc văn bon thay tho.

3. Các tiêu đu (chong, đuu coa Đoi u là này) đu c so đung nhom thuon tion cho vioc hiou noi dung và không onh hong tui noi dung coa Đoi u là này.

II. TÊN, HÌNH THo C, TRu So , CHI NHáNH, VĂN PHÒNG Đo I DIo N VÀ THo I Ho N HOo T Đu NG Co A CÔNG TY

Điu 2. Tên, hình tho c, tru so , chi nhánh, văn phòng đo i dio n và tho i ho n hot đung coa Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiong Viot: **CÔNG TY Co PHo N Đo à C PHo M TIPHARCO**
- Tên tiong Anh: **Tipharco Pharmaceutical Joint-stock Company**
- Tên giao duch: **CÔNG TY Co PHo N Đo à C PHo M TIPHARCO**
- Tên viot tut: **TIPHARCO**

2. Công ty là công ty co phon có tu cách pháp nhân phù hop voi pháp luot hion hành coa Viot Nam.

3. Tru so đong ký coa Công ty là:

- Địa cho: 15 Đoc Binh Kiu, Phong 2, TP. Mo Tho, Tunh Tion Giang
- Đoi n thooi: 073.3871817 - 3872972

- Fax: 073.3883740
- E-mail: tipharco@vnn.vn
- Website: www.tipharco.com.vn

4. Chi nhánh:

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đặt tại: L3, số 134/1, Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TPHCM.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện, phân xưởng và kho hàng tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trường khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất dược phẩm và vật tư y tế; Sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì; sản xuất mĩ phẩm; sản xuất các loại si rô giải khát, sản xuất nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dung, sản xuất các loại rượu thuốc đóng chai các dung.
- Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu nguyên liệu, hóa chất, dược phẩm và vật tư y tế, thiết bị sản xuất kinh doanh thuốc ngành y tế; Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu thực phẩm bổ sung, thực phẩm chức năng, vắc xin, sinh phẩm, chế phẩm, bao bì; Kinh doanh, nhập khẩu và xuất khẩu mĩ phẩm. Kinh doanh các loại si rô giải khát, kinh doanh nước tinh khiết đóng chai, đóng bình các dung, Kinh doanh các loại rượu thuốc đóng chai các dung.
- Gia công, nhượng quyền, đại lý trong sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư y tế, thực phẩm bổ sung, vắc xin, sinh phẩm, mĩ phẩm, chế phẩm, nguyên liệu, hóa chất, bao bì, thiết bị sản xuất kinh doanh thuốc ngành y tế.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm theo các chức năng và ngành nghề kinh doanh được cấp phép. Đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả và đạt mục tiêu tại đa các khoản lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐỀU U LŨ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng Việt Nam)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ số cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết số do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định

từ khi công án phát hành công phiếu của Công ty, người sở hữu sẽ công nhận được công chứng nhận công phiếu. Người sở hữu công nhận không phải trả cho Công ty chi phí in công chứng nhận công phiếu.

4. Trường hợp công chứng nhận công phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất công chứng hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu công phiếu đó có thể yêu cầu được công chứng nhận công phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng với việc sở hữu công nhận và thanh toán mới chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Công chứng công chứng khoản khác

Công chứng trái phiếu hoặc các công chứng công chứng khoản khác của Công ty (trừ các thẻ chào bán, các công chứng chứng từ và các tài liệu tài chính) được phát hành có dấu và chữ ký của người đứng theo pháp luật của Công ty.

Điều 8. Chuyển nhượng công nhận

1. Tất cả các công nhận được chuyển nhượng trừ khi Điều 10 này và pháp luật có quy định khác. Trường hợp công phiếu được niêm yết/đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch công chứng khoản được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về công chứng khoản và thủ tục công chứng khoản.

2. Công nhận của được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận công tức, quyền nhận công phiếu phát hành để tăng vốn công nhận từ nguồn vốn công sở hữu, quyền mua công phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi công nhận

1. Trường hợp công đồng không thanh toán đầy đủ và đúng hạn sẽ tiến hành trả mua công phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu công đồng đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và nếu chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), đưa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, sẽ công nhận của thanh toán hết số bắt thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các công nhận của thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Công nhận bắt thu hồi được coi là các công nhận được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc gửi quy định cho người đã sở hữu công nhận bắt thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Công đồng nắm giữ công nhận bắt thu hồi phải tuân theo cách công đồng đối với những công nhận đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân Hàng Thương mại vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc công nhận công chứng thanh toán toàn bộ giá trị công phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ công nhận bắt thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Công cụ tài chính, quản trị và kiểm soát

Công cụ tài chính quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc điều hành.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tài chính theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bằng phiếu ủy quyền;

b. Nhận cổ tức và lợi nhuận theo quy định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã đăng ký thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tài chính và tài sản của phần phổ thông mà họ sở hữu;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông để tìm cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chép Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trong họp Công ty giới thiệu hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tài chính và lợi nhuận góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) phát sinh sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có quyền đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tài chính và tài sản các Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;
- b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề có thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của nhóm cổ đông và tỷ lệ sốหุ้น trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dấn mình vào hình thức đầu tư thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tạo lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của đơn vị liên quan có nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức một năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, được biết thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính

tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự hội đồng kiểm tra vốn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bằng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất mát nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty.
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - + Hội đồng quản trị vì phạm nghiêm trọng quy định của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - + Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - + Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản, phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tài liệu một cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vì phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại nhỏ quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội

đồng cổ đông của công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn uống và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm để kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất kỳ kỳ họp thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mổ cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định liên quan đến loại cổ phần đó.
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Thông số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành để với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tách lập và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất để kiểm toán;
 - n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - o. Việc Tổng giám đốc điều hành được thôi làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất để kiểm toán;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 14 khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trở nên hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tài liệu số hai của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua họp lập hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các điều kiện để thực hiện quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể quy định cho điều kiện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người điều kiện được cổ thì phải xác định cổ thì số cổ phần và số phiếu bầu được quy định cho mỗi người điều kiện.

2. Việc quy định cho người điều kiện để họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người quy định thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền để họp;

b. Trường hợp người điều kiện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người quy định thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người điều kiện theo ủy quyền, người điều kiện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền để họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền để họp.

Người được ủy quyền để họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật số thay thế cho người ủy quyền ký giấy chứng nhận điều kiện, việc chứng nhận điều kiện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chứng nhận điều kiện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật số hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trường hợp đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền để họp trong phạm vi được ủy quyền văn có hiệu lực khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bệnh nhân không thể hành vi dân sự hoặc bệnh mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chứng nhận ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các số kiến trên việc giải khai mức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền được biết gần liền với mặt loại cổ phần nào đã có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phải thông qua được thực hiện theo cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần nào đã nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ mặt loại cổ phần nào đã được thông qua

việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện đủ số cổ đông quy định của hồ) và năm giá trị tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người năm giá trị cổ phần thuộc loại đó (không phải thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện đủ số cổ đông quy định được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tất cả các cuộc họp của cổ đông năm giá trị cổ phần nêu trên, những người năm giá trị cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thời gian tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện theo quy định của Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trường khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quy định được biết liên với các loại cổ phần có quyền ưu đãi và lợi ích và lợi ích của các cổ phần liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Trình tự Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được ủy quyền theo các trường hợp quy định tại Điều 6 hoặc Điều 4 Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chỉm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng văn bản trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lý, được trừ các phí hoặc được bỏ vào hộp thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề số được biểu quyết tại đại hội đồng cổ đông gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm nội dung và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó năm giá trị, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:

- Đề xuất được giới thiệu không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- Vào thời điểm đề xuất, công đồng hoặc nhóm công đồng không có đủ ít nhất 10% công phần phổ thông trong thời gian liên tiếp ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này;
- Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng công đồng ban ban và thông qua;
- Các trường hợp khác theo qui định của pháp luật.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị đề thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả công đồng đại diện 100% số công phần có quyền biểu quyết từ chối tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng công đồng, nghị quyết được đề xuất của Đại hội đồng công đồng nhất trí thông qua được được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng công đồng không theo đúng trình tự và thời hạn hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng công đồng

1. Đại hội đồng công đồng được tiến hành khi có số công đồng dự họp đại diện cho ít nhất 65% công phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng công đồng phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định từ chối Đại hội đồng công đồng lần thứ nhất. Đại hội đồng công đồng triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các công đồng và nghị quyết đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% công phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng công đồng lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phải thu xếp vào số lượng công đồng hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề đề kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng công đồng lần thứ nhất.

Điều 19. Thời thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng công đồng

1. Vào ngày từ chối Đại hội đồng công đồng, Công ty phải thực hiện thời thức đăng ký công đồng và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các công đồng có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Vào ngày từ chối Đại hội đồng công đồng, khi tiến hành đăng ký công đồng, Công ty cấp cho từng công đồng hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của công đồng, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của công đồng đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ

từng vận động để các Chủ toạ công bố ngay trước khi bắt đầu cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ toạ có người làm Thư ký đại hội lập biên bản họp Đại hội đồng công đồng.

3. Công đồng dân cư Đại hội đồng công đồng mua có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và bầu quyết định đại hội. Chủ toạ không có trách nhiệm động đại hội để cho công đồng mua đăng ký và bầu lựa chọn các đại biểu quyết định đã tiến hành trước khi công đồng mua tham dự không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển đại hội đồng công đồng bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng công đồng điều khiển Đại hội đồng công đồng bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất để làm chủ toạ cuộc họp.

5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thời gian và các số kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng công đồng.

6. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có số nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng công đồng ngay khi đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ toạ của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng công đồng một cách hợp lý và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các công đồng hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng công đồng chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có công đồng hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể tạm thời hoặc trực tiếp công đồng hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp để các Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bảo vệ chính người tài sản để họp Đại hội đồng công đồng;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho công đồng tham dự (hoặc tiếp xúc tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc số đăng nhập hình thức khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng công đồng có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bất cứ thành viên nào không đồng ý với quyết định không được chấp thuận theo Điều khoản này hoặc không đồng ý mua thêm cổ phiếu khác với địa điểm chính của đại hội có thể đăng tham dự đại hội;

Thông báo về việc thành viên nào không cần nêu chi tiết những biện pháp thành viên theo Điều khoản này.

11. Trong Điều 10 này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội tại địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty thành lập Đại hội đồng ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng có thể họp thường niên không được thành lập dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng

1. Trước khi họp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng và các vấn đề sau đây thuộc thẩm quyền Đại hội đồng sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm vụ Tổng giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, lợi ích của người và số lượng của người chào bán, việc thành lập hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh theo hình thức giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng (trong trường hợp thành lập trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến của đồng bằng văn bản).

Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến của đồng bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng

Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến của đồng bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của đồng bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, đồng thời quyết định của Đại hội đồng và các tài liệu gửi trình đồng thời theo quy định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo đồng thời theo quy định và tài liệu gửi trình phải được gửi bằng phương thức báo động đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo ghi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp

lý để xem xét biểu quyết và phải ghi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lý ý kiến.

3. Phiếu lý ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lý ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lý ý kiến để thông qua quyết định;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến để với từng vấn đề lý ý kiến;

e. Thời hạn phải ghi với Công ty phiếu lý ý kiến đã được trình bày;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lý ý kiến đã được trình bày phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lý ý kiến ghi với Công ty phải được đóng trong phong bì dán kín và không ai được quyên mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lý ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định thì nội dung phiếu lý ý kiến hoặc đã bỏ phiếu không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Bên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nội dung đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lý ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với từng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Từng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến để với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lý ý kiến đã được trả lại, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lý ý kiến được gửi kèm theo phiếu trả lời chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lý ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Ngay khi triệu tập Đại hội đồng cổ đông chủ tịch nhiệm vụ chủ trì các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối với nội dung bị nêu lên được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, nghị quyết, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lý ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không tuân thủ đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty (trừ trường hợp qui định tại khoản 7 Điều 17 Điều lệ này).

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bỏ phiếu có thể xem xét tái chức tại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi ngày (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không được hành chiếm ít nhất một phần ba

(1/3) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Thành viên HĐQT phải là người có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn sau đây:

- + Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý theo khoản 2 điều 13 của Luật Doanh nghiệp.
- + Có trình độ học vấn, có năng lực tổ chức quản lý doanh nghiệp, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết và ý thức chấp hành luật pháp.
- + Là công đồng cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Cty.
- + Và các tiêu chuẩn khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Các công đồng năm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tiếp ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của tổng người liên kết với nhau để cổ các công viên Hội đồng quản trị. Công đồng hoặc nhóm công đồng năm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được cổ mất (01) công viên; từ 10% đến dưới 30% được cổ cổ tối đa hai (02) công viên; từ 30% đến dưới 40% được cổ cổ tối đa ba (03) công viên; từ 40% đến dưới 50% được cổ cổ tối đa bốn (04) công viên; từ 50% đến dưới 60% được cổ cổ tối đa năm (05) công viên; từ 60% đến dưới 70% được cổ cổ tối đa sáu (06) công viên; từ 70% đến 80% được cổ cổ tối đa bảy (07) công viên; và từ 80% đến dưới 90% được cổ cổ tối đa tám (08) công viên.

3. Trường hợp số lượng các công viên Hội đồng quản trị thông qua cổ và công cổ vấn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị được phép bổ sung có thể cổ thêm công cổ viên hoặc cổ chủ cổ cổ theo cổ chủ cổ cổ Công ty quy định tại Quy chế nội bộ quản trị công ty. Cổ chủ cổ cổ hay cách thức Hội đồng quản trị được phép bổ sung cổ công viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành cổ cổ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tổ chức thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó không đủ tổ chức làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên đó gặp vấn đề về pháp lý xin tổ chức cổ cổ chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rơi vào tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có nhu cầu bổ sung công cổ chuyên môn công cổ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tiếp trong vòng sáu (06) tháng mà không có số chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định cổ cổ cổ của người này bị cổ cổ cổ;
- đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Hội đồng quản trị có thể bổ sung người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế cổ cổ công cổ phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ sung thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên

Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mới quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước khi đi tìm kiếm ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật và chế độ kế toán và thủ tục kế toán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nội m gi c p h n c a Công ty.

Điều 25. Quy định về nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thuộc quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty mà Hội đồng quản trị phê chuẩn (trừ Tổng giám đốc điều hành) theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mục tiêu kinh doanh;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

đ. Giám quyết các khiếu nại của Công ty đối với các cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đối diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với các cán bộ quản lý đó;

e. Đề xuất các loại cơ phiếu có thể phát hành và từng số cơ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chương quyền cho phép người sở hữu mua cơ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cơ phiếu và các chương khoản chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty mà Hội đồng quản trị phê chuẩn, người đối diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quy định theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

l. Đề xuất mức cơ cấu hàng năm và xác định mức cơ cấu tạm ứng; chế độ việc chi trả cơ cấu;

m. Đề xuất việc tổ chức hội hoặc giải thể Công ty.

n. Duyệt chế trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Hội đồng cổ đông, triệu tập họp Hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

4. Nhiệm vụ sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 108 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy tình thế để quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng liên quan của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);

d. Chế độ và bài nhiệm nhiệm vụ của Công ty và nhiệm vụ là đại diện thông tin và Luật sư của Công ty;

đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

e. Các khoản đầu tư không thu được lợi nhuận kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị lợi nhuận và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mức lợi nhuận;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cách thức là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với việc thực hiện giám đốc điều hành và nhiệm vụ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chủ sở hữu Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trường hợp luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới hình thức là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của

Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đối diện phần vốn góp phải đóng góp công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao đối với công việc ngoài giờ theo từng lần, từng ngày, hoặc hàng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp Đại hội đồng, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý Công ty và không vượt quá 0,5% trên tổng doanh thu của Công ty.

11. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu và tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 26. Chế độ của Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch. Trường hợp Đại hội đồng hoặc Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng hoặc thông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng hoặc cổ đông.

4. Trường hợp họp Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện hoặc bất khả nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp họp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị do bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp họp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp đầu tiên. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là một quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không đợi chờ trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện sau đây được nghi ngờ vẫn còn trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp họp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm với những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến tại Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn và báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được số nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo một lần bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hai lần. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết và những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể họp.

Thông báo một lần được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, những phiếu bầu được gửi được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lớn hơn một nửa được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần tiếp theo. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết

a. Trường quy định tại Điều b Khoản 9 Điều 27, một thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền có mặt trực tiếp tại cuộc họp Hội đồng quản trị có mặt (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết với các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số đồng ý biểu quyết khi thiêu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị với nghị quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điều 9 Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà nghị quyết đó không được giải quyết bằng việc từ chối quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, nghị quyết phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chủ yếu đến công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hàng loạt từ một hợp đồng được quy định tại Điều a và Điều b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hàng loạt từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và bất kỳ bên thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bên chủ, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không bất kỳ bên thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm họp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tới cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này bất kỳ bên thân mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phần đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là một thành viên tham gia họp đầu có thể:

a. Nghe tiếng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có mặt nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng cách chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối với nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, bổ nhiệm thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THỰC KÝ CÔNG TY

Điều 28. Thực chức bộ máy quản lý

Hội đồng quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trực thuộc Hội đồng quản trị và trực thuộc số lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được số chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy theo thời điểm. Cán bộ quản lý phải có số môn cán bộ cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mục tiêu, tiến độ, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị theo định mức khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 30. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm và quy định của Tổng giám đốc điều hành

1. Hội đồng quản trị bỏ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trả công, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo với Hội đồng quản trị và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hạn hoặc căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Tổng giám đốc phải có đủ những tiêu chuẩn sau:

- a. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý theo khoản 2 điều 13 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Không được kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.
- c. Có trình độ đại học, có kinh nghiệm quản lý thực tế, có năng lực kinh doanh liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- d. Có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm trong ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.
- e. Có hiểu biết pháp luật.
- f. Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
- g. Và các tiêu chuẩn khác theo qui định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng giám đốc điều hành có những quy định và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đồng, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đồng thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay một Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, thực hiện và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiểm soát lương và các loại cán bộ quản lý như Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty mà Hội đồng quản trị phê chuẩn (trừ Tổng giám đốc điều hành) cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và từ vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trả công, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của cán bộ quản lý khác và người lao động trong Công ty trừ các chức danh thu nhập quản lý bổ nhiệm của Hội đồng quản trị;

đ. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

e. Xuất nhập ngoại biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

g. Chọn bỏ các bên đối toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bên đối toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bên đối toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ đính kèm) cho từng năm tài chính phải được trình Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

5. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các công quan này khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải báo cáo trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được một trong các điều kiện quy định tại khoản 3 của Điều lệ này.

b) Việc mất tài sản Công ty liên tục trong vòng 03 tháng mà không được sắp xếp thu hồi của Hội đồng quản trị.

c) Và các trường hợp khác được quy định trong Điều lệ này.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị đồng ý có quyết định bãi nhiệm tán thành và trong thời hạn ba mươi (30) ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bãi nhiệm chính thức Tổng Giám đốc mới.

Điều 31. Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty với nhiệm kỳ và nhiệm vụ theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bãi nhiệm một hay nhiều Thủ lý Thủ ký Công ty tùy theo thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thủ ký Công ty bao gồm:

1. Chọn bỏ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

2. Tiếp nhận và thực hiện các cuộc họp.

3. Tham dự các cuộc họp.

4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thủ ký công ty có trách nhiệm báo một thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. BAN KIom SOáT

Điu 32. Thành viên Ban kiom soát

1. Số luoong thành viên Ban kiom soát của Công ty có to ba (03) đến năm (05) thành viên. Các thành viên của Ban kiom soát do Đoi hoi đểng củ đồng bộu, nhiêm kỳ của Ban kiom soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiom soát có thể đểo c bộu lui và i số nhiêm kỳ không hìn chế.

Tiêu chuun lua chon thành viên Ban kiom soát

- + Tu 21 tuổi trở lên, có đủ hành vi dân số và không thuộc đoi tuoong bộ củm thành lup và quản lý theo khoan 2 điu 13 của Luut Doanh nghiệp.
- + Phoi am hiuu kho thuột và nghiệp và sốn xuất kinh doanh của Công ty.
- + Ban kiom soát phoi có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiếm toán viên.
- + Các thành viên Ban kiom soát không phoi là ngưooi trong bộ phon kế toán, tài chính của Công ty và không phoi là thành viên hay nhân viên của công ty kiếm toán đểc lup đang thực hiện việc kiếm toán báo cáo tài chính của Công ty.
- + Thành viên Ban Kiom soát Không phoi là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruợt của thành viên Hoi đểng quản trị, hoặc Tuoong Giám Đểc đểu hành, Kế toán truoong và cán bộ quản lý khác của Công ty.
- + Ngưooi đang bộ truy cửu trách nhiêm hình số hoặc đang phoi chấp hành hình thực phot tù hoặc bộ tuoong quyđnh hành nghệ vì phom các tội buôn luu, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, lua đoi khách hàng và các tội khác theo qui định của pháp luut, ngưooi có quá trình vi phom nàoi qui kho luut củ quan không đểo c chon làm thành viên Ban Kiom soát.
- + Và các tiêu chuun khác theo qui định của pháp luut và Điu lu này.

Ban kiom soát phoi cho đểnh một (01) thành viên làm Truoong ban. Truoong ban kiom soát là ngưooi có chuyên môn và kế toán. Truoong ban kiom soát có các quyđn và trách nhiêm sau:

- + Truoong tup cuủ c hop Ban kiom soát;
- + Yêu cửu Hoi đểng quản trị, Tuoong giám đểc đểu hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiom soát;
- + Lup và ký báo cáo của Ban kiom soát sau khi đã tham khoo ý kiến của Hoi đểng quản trị để trình Đoi hoi đểng củ đồng.

2. Các củ đồng có quyđn gop số phiuu biuu quyđt của tuoong ngưooi lui và i nhau để đểo củ các ong viên Ban kiom soát. Củ đồng hoặc nhóm củ đồng nàom gio tu 5% đến duooi 10% tuoong số củ phon có quyđn biuu quyđt đểo c để một (01) ong viên; tu 10% đến duooi 30% đểo c để tui đà hai (02) ong viên; tu 30% đến duooi 40% đểo c để tui đà ba (03) ong viên; tu 40% đến duooi 50% đểo c để tui đà bốn (04) ong viên; tu 50% đến duooi 60% đểo c để tui đà năm (05) ong viên.

3. Truoong hop số luoong các ong viên Ban kiom soát thông qua đểo củ và ong củ và n không đểo số luoong củn thiết, Ban kiom soát đểoong nhiêm có thể đểo c thêm ong củ viên hoặc tu chế c đểo c theo củ chế đểo c công ty quy định tui Quy chế nàoi bộ và quản trị công ty. Củ chế Ban kiom soát đểoong nhiêm đểo c ong viên Ban kiom soát phoi đểo c công bộ rõ ràng và phoi đểo c Đoi hoi đểng củ đồng thông qua truoong c khi tuoong hành đểo c.

4. Thành viên Ban kiom soát không còn tu cách thành viên trong các truoong hop sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b. Thành viên đó từ chối công bố văn bản thông báo được gửi đến trực tiếp chính của Công ty;
- c. Thành viên đó bị rơi lõn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng minh rằng đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sắp xếp thu nhập của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và miễn miễn có liên quan;
- b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chính xác và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- c. Xin ý kiến từ chuyên viên nghiệp vụ độc lập hoặc từ chuyên viên pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;
- e. Thảo luận với những vấn đề khó khăn và tiến độ phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như miễn miễn mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- f. Xem xét thông quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
- h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
- i. Kiến nghị lên HĐQT biện pháp bổ sung sửa đổi, cải thiện công cụ thủ tục quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- j. Ban kiểm soát được tham dự các cuộc họp HĐQT để phát biểu ý kiến và những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo với Đại hội đồng cổ đông.
- k. Được quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Công ty cung cấp đầy đủ và kịp thời tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty trong khi thực hiện nhiệm vụ.

1. Việc kiểm tra, thẩm định không được gây cản trở hoạt động bình thường của HĐQT hay làm gián đoạn công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

m. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận các ý kiến của các cổ đông trong việc kiểm tra giám sát mọi hoạt động của Công ty để thực hiện việc phát huy dân chủ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thủ ký Công ty phải báo động riêng toàn bộ bản sao các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thực hiện hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

4. Mục tiêu lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Chi phí cho thành viên Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty.

X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Trách nhiệm của thành viên

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và lợi ích cao nhất của Công ty và với mục đích công chúng mà một người thiện trung phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương đương.

Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột với quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những công cụ kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được chỉ để cho mình được lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. H p đ ng ho c giao d ch gi a Công ty v i m t ho c nhi u thành viên H i đ ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám đ c đi u hành, cán b qu n lý khác ho c nh ng ng i liên quan đ n h ho c công ty, đ i tác, hi p h i, ho c t ch c m à thành viên H i đ ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám đ c đi u hành, cán b qu n lý khác ho c nh ng ng i liên quan đ n h là thành viên, ho c có liên quan l i ích tài chính không b vô hi u hoá trong các tr ng h p sau đây:

a. Đ i v i h p đ ng có giá tr t d i 50% t ng giá tr tài s n đ c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p đ ng ho c giao d ch c ng nh c các m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i đ ng qu n tr đã đ c báo cáo cho H i đ ng qu n tr ho c t i u ban liên quan. Đ ng th i, H i đ ng qu n tr ho c t i u ban đó đã cho phép th c hi n h p đ ng ho c giao d ch đó m t cách trung th c b ng đa s (trên 50%) phi u tán thành c a nh ng thành viên H i đ ng không có l i ích liên quan;

b. Đ i v i nh ng h p đ ng có giá tr l n h n 50% c a t ng giá tr tài s n đ c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t, nh ng y u t quan tr ng v h p đ ng ho c giao d ch này c ng nh m i quan h và l i ích c a cán b qu n lý ho c thành viên H i đ ng qu n tr đã đ c công b cho các c đ ng không có l i ích liên quan có quy n bi u quy t v v n đ đó, và nh ng c đ ng đó đã b phi u tán thành h p đ ng ho c giao d ch này;

c. H p đ ng ho c giao d ch đó đ c m t t ch c t v n đ c l p cho là công b ng và h p lý xét trên m i ph ng di n liên quan đ n các c đ ng c a công ty vào th i đi m giao d ch ho c h p đ ng này đ c H i đ ng qu n tr ho c m t t i u ban tr c thu c H i đ ng qu n tr hay các c đ ng cho phép th c hi n.

Thành viên H i đ ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám đ c đi u hành, cán b qu n lý khác và nh ng ng i có liên quan v i các thành viên nêu trên không đ c s đ ng các thông tin ch a đ c phép công b c a công ty ho c t i t l cho ng i khác đ th c hi n các giao d ch có liên quan.

Điề u 36. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Thành viên H i đ ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, T ng giám đ c đi u hành và cán b qu n lý khác vi ph m nghĩa v , trách nhi m trung th c v à c n tr ng, không hoàn thành nghĩa v c a mình v i s m n cán và năng l c chuyên môn ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. Công ty b i th ng cho nh ng ng i đã, đang ho c có th tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t (bao g m các v vi c dân s , hành chính và không ph i là các v ki n do Công ty là ng i kh i ki n) n u ng i đó đã ho c đang là thành viên H i đ ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c là đ i di n đ c Công ty u quy n ho c ng i đó đã ho c đang làm theo yêu c u c a Công ty v i t cách thành viên H i đ ng qu n tr , cán b qu n lý, nhân viên ho c đ i di n theo u quy n c a Công ty v i đi u ki n ng i đó đã hành đ ng trung th c, c n tr ng, m n cán v l i ích ho c không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, tr ên c s tuân th lu t pháp và không có b ng ch ng xác nh n r ng ng i đó đã vi ph m nh ng trách nhi m c a mình. Khi th c hi n ch c năng, nhi m v ho c th c thi các công vi c theo y quy n c a Công ty, thành viên H i đ ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, cán b qu n lý, nhân viên ho c là đ i di n theo y quy n

của Công ty được Công ty báo cáo khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khiếu nại (trừ các vụ kiện do Công ty là người khiếu nại) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, công bằng, minh cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí báo cáo bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phân quyền, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thời gian chờ đợi coi là một hợp lý khi giải quyết tranh chấp và việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm báo cáo nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH U TRAS SÁCH VÀ H S CÔNG TY

Điều 37. Quy định tra s sách và h s

1. Các đồng hoặc nhóm các đồng chủ tịch Khoản 2 Điều 24 và Khoản 2 Điều 32 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách các đồng, các biên bản họp Hội đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giấy làm việc và tài liệu chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đối diện được ủy quyền của các đồng phải kèm theo giấy ủy quyền của các đồng mà người đó đối diện hoặc một bên sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký các đồng của Công ty, danh sách các đồng và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình và điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tài liệu chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các đồng và các quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, nghỉ, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

2. Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tài chính, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 39. Phân phối lợi nhuận

1. Điều lệ này được công đồng quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ngưng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới mất lợi cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng công đồng thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay nhàn khoản tiền khác liên quan tới mất lợi cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do công đồng cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do công đồng cung cấp mà công đồng đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho công đồng thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định ngày cổ tức để chốt danh sách công đồng. Căn cứ theo ngày đó, nhàn ngườ i đăng ký với tư cách công đồng hoặc ngườ i sở hữu các chứng khoán khác được quy định nhàn cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhàn cổ phiếu, nhàn thông báo hoặc tài liệu khác. Công ty thông báo về việc trả cổ tức đến công đồng chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách để kiểm tra thực hiện trả cổ tức và thực hiện công bố thông tin theo đúng qui định của pháp luật.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỒ THỐNG KÊ TOÁN

Điều 40. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành rút các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 41. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 42. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sẽ dùng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lựa chọn hệ thống kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hệ thống này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải được chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sẽ dùng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ do chuyển đổi trong trường hợp hợp đồng có quan hệ nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tính tiền dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này và thực hiện công bố thông tin theo đúng qui định của pháp luật.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình vốn lãi và lợi của Công ty trong năm tài chính, bằng cân đối kế toán phản ánh mặt cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giới hạn vi phạm của Công ty, tài trợ số chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 44. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 45. Kiểm toán

1. Đối với công ty đông thành viên năm thành lập (01) công ty kiểm toán được lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán được lập và quy định cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn mặt trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán được lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo và báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng tám mươi (80) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên được mời kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội và các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DŨU

Điều 46. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành số đông và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẾ MỘT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 47. Xử lý trong trường hợp kinh doanh thua lỗ

1. Trong trường hợp sản xuất kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định theo phương án sau:

- Trích quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lợi nhuận sang năm sau, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

2. Trường hợp Công ty sản xuất kinh doanh thua lỗ kéo dài hai (02) năm mà vẫn không khắc phục được bằng các biện pháp tài chính cần thiết thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để quyết định các biện pháp theo luật pháp sản xuất kinh doanh.

Điều 48. Chế độ một hoạt động

1. Công ty có thể bỏ giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của các quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 49. Thanh lý

1. Thời gian sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chịu trách nhiệm các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể

điều lệ là thành viên trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia được lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tài sản thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tài sản ngang và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- đ. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ theo mức (a) đến

(đ) khoản 3 Điều 49 trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tài sản quyên và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giải quyết:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp,

Các bên liên quan có giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ từ việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yêu cầu thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chủ thể chuyên gia được lập để hành động với tư cách là trung tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quy định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỘ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bộ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được ưu tiên áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 52 điều được Đại hội đồng thành viên năm 2012 của Công ty cổ phần D ì c ph ì m Tipharco nhất trí thông qua ngày 26 tháng 04 năm 2013 tại Tiền Giang và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước tỉnh Tiền Giang;

b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang;

c. Bản (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tại thiểu số phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty mới có giá trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty./.

CTCP D ì c PH ì M TIPHARCO

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Người đại diện theo pháp luật)